TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2018/HNGĐ -PT
Ngày 15 - 3 - 2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Hà Văn Chương**
Các Thẩm phán: Bà **Lưu Hồ Loan**
Ông **Ma Hồng Thắng**

- Thư ký phiên toà: Bà **Trần Ánh Nguyệt** – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Bà **Nguyễn Hữu Tình** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2018/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 về việc *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 254/2017/HNGĐ - ST, ngày 11/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2018/QĐ-PT, ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn V, xã A, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ở: Số nhà 87, tổ 26, phường M, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn V, xã A, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang;

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Anh T.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Anh T đăng ký kết hôn ngày 30/5/2014 tại UBND xã A, thành phố Q trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị tiếp tục

thuê nhà ở H Nội để học một năm, sau đó về chung sống tại nhà anh T ở thôn V, xã A, thành phố Q. Cuộc sống vợ chồng của anh chị hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không có sự thấu hiểu, cảm thông, chia sẻ với nhau, không yêu thương, quý trọng, bảo vệ, giúp đỡ lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận người ấy. Anh T thường hay đi sớm về muộn nhưng không lo được kinh tế gia đình. Chị muốn đi làm để thêm thu nhập nhưng chồng và bố mẹ chồng lại không đồng ý. Cuộc sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ ngày 23/8/2017. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục cùng chung sống với nhau được nữa, chị xin được ly hôn anh T.

Bị đơn anh Nguyễn Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân anh nhất trí như lời khai chị H trình bày. Theo anh T từ ngày 22/8/2017 chị H tự ý bỏ nhà đi, nói là đi làm nhưng từ đó đến nay anh không biết chị H làm gì, ở đâu. Theo anh mâu thuẫn vợ chồng là do chị H đòi đi làm kiếm tiền nhưng do công việc không thích hợp nên bố mẹ anh và anh không đồng ý. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau, nay chị H có đơn xin ly hôn anh hoàn toàn đồng ý.

Anh T, chị H thừa nhận về con chung: Có một con chung là cháu Nguyễn Khánh Lâm, sinh ngày 08/01/2016, hiện nay cháu đang ở cùng anh T. Chị H đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, định kỳ 3 tháng 1 lần. Chị thấy mình có đủ điều kiện, khả năng để chăm sóc nuôi dưỡng con như về nơi ở, công việc, kiến thức nuôi con và tình yêu của người mẹ. Bên cạnh đó, khi rời nhà chồng chị cũng muốn đưa con đi theo nhưng bố mẹ chồng và chồng không cho, thứ bảy, chủ nhật chị về thăm con thì gia đình nhà chồng, cụ thể là mẹ chồng có cử chỉ, thái độ không muốn cho chị thăm con, bế bồng con.

Anh T đề nghị được nhận nuôi con chung mà không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Theo anh T từ khi con sinh ra đã được anh và bố mẹ anh trực tiếp nuôi dưỡng. Từ ngày 22/8/2017 chị H tự ý bỏ đi và không quan tâm gì đến con, không có bất kỳ sự hỗ trợ nào để nuôi dưỡng con chung, anh và bố mẹ anh đã chăm sóc cháu khỏe mạnh.

Anh T, chị H thừa nhận về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 254/2017/HNGĐ-ST, ngày 11 tháng 12 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Q đã quyết định:

Áp dụng Điều 28, Điều 39, 147, 220, 228, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Nguyễn Anh T.

2. Về con chung: Xử giao con chung là cháu Nguyễn Khánh Lâm, sinh ngày 08/01/2016 cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Khánh Lâm, sinh ngày 08/01/2016 là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức thực hiện cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ tháng 01/2018. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/12/2017, bị đơn anh Nguyễn Anh T có đơn kháng cáo không nhất trí bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 254/2017/HNGĐ-ST, ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q về việc xử giao con chung là cháu Nguyễn Khánh Lâm cho chị H nuôi dưỡng vì chị H là người mẹ đã bỏ không nuôi con từ ngày 21/8/2017 đến nay, nhưng khi làm đơn ly hôn lại yêu cầu được nuôi con và yêu cầu tôi phải trợ cấp 2 triệu đồng/tháng; trong khi chị H bỏ con đi tôi là người trực tiếp nuôi con đến nay và không nhận được bất kỳ sự hỗ trợ nào của chị H. Hiện nay con tôi đang ở với tôi, tôi được quyền nuôi con và không yêu cầu thêm sự trợ cấp nào của chị H. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết để con tôi có điều kiện, môi trường sống tốt nhất. Kèm theo đơn khởi kiện anh T có nộp 01 đơn xin xác nhận của công an xã A về việc chị H không có mặt ở địa phương, bỏ nhà đi từ ngày 21/8/2017.

Tại phiên toà phúc thẩm bị đơn anh Nguyễn Anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chị Nguyễn Thị Hồng H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Anh T hợp lệ, trong hạn luật định.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Nguyễn Anh T có một con chung là cháu Nguyễn Khánh Lâm, sinh ngày 08/01/2016; do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H đã về nhà bố mẹ ở từ ngày 21/8/2017, hiện nay cháu Lâm đang ở cùng anh T, trong quá trình giải quyết vụ án anh T, chị H đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung; tại cấp sơ thẩm chị H hiện đang làm việc tại Doanh nghiệp tư nhân Hòa Thu (khách sạn Royal), thu nhập hàng tháng là 4.000.000 đồng, tại cấp phúc thẩm chị H cung cấp Hợp đồng lao động với chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu H1 ở 225 Quang Trung, phường S, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang chị H làm nhân viên bán hàng thiết bị nước mức lương là 4.500.000 đồng/tháng. Theo anh T, anh có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, hiện nay anh làm nhân viên tại Công ty TNHH Tân Mỹ với mức lương 6.000.000 đồng/tháng.

Như vậy về điều kiện nuôi con anh T, chị H đều có đủ điều kiện nuôi con chung; tuy nhiên xét thấy hiện nay cháu Nguyễn Khánh Lâm còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, do đó cần có sự trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, mặt khác tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho người mẹ trực tiếp nuôi..." Vì vậy, cấp sơ thẩm đã xử giao con chung cháu Nguyễn Khánh Lâm cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ, đúng pháp luật, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Anh T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 254/2017/HNGĐ-ST ngày 11/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q, anh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Anh T:

Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Nguyễn Anh T có một con chung là cháu Nguyễn Khánh Lâm, sinh ngày 08/01/2016; do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H đã về nhà bố mẹ ở từ ngày 21/8/2017, hiện nay cháu Lâm đang ở cùng anh T.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh T, chị H đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung; tại cấp sơ thẩm chị H hiện đang làm việc tại Doanh nghiệp tư nhân Hòa Thu (khách sạn Royal), thu nhập hàng tháng là 4.000.000 đồng, tại cấp phúc thẩm chị H cung cấp Hợp đồng lao động với chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu H1 ở 225 Quang Trung, phường S, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang chị H làm nhân viên bán hàng thiết bị nước mức lương là 4.500.000 đồng/tháng. Theo anh T, anh có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, hiện nay anh làm nhân viên tại Công ty TNHH Tân Mỹ với mức lương 6.000.000 đồng/tháng.

Như vậy về điều kiện nuôi con anh T, chị H đều có đủ điều kiện nuôi con chung; tuy nhiên xét thấy hiện nay cháu Nguyễn Khánh Lâm còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, do đó cần có sự trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, mặt khác tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho người mẹ trực tiếp nuôi..." Vì vậy, cấp sơ thẩm đã xử giao con chung cháu Nguyễn Khánh Lâm cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ, đúng pháp luật, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Anh T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Q là phù hợp pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân không có kháng cáo; các quan hệ về tài sản chung, đất đai chung, công nợ chung không có và không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[3] Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên anh Nguyễn Anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo xin được nuôi con chung của anh Nguyễn Anh T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về nuôi con chung như sau:

1. Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Khánh Lâm, sinh ngày 08/01/2016. Anh Nguyễn Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Khánh Lâm đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 01/2018. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Nguyễn Anh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* tại biên lai thu số 0005040 ngày 05/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, anh Nguyễn Anh T đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/3/2018)./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND Tp Q;
- Chi cục THADS Tp Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS + Toà án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Chương